

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/01/2025

“V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kia.
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn B, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Tôi và anh N tự nguyện tìm hiểu sau đó đi đến kết hôn và đăng ký tại UBND xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào năm 2000. Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sinh được 4 người con lần lượt gồm: N1, sinh năm 1999; N2, sinh năm 2004; N3 sinh năm 2006 và cháu N4 sinh ngày 06/5/2018. Thời gian gần đây bắt đầu xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, si nghĩ, lý do là anh N không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, rượu chè về chửi vợ, chửi con cả ngày lẫn đêm không cho vợ con sống yên, không có trách nhiệm gì với vợ, con. Hiện nay chúng tôi không còn yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vì vậy đời sống tình cảm hai vợ chồng không còn.

Nay tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung, nhưng cháu N1, cháu N2, và cháu N3 đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu N4, sinh ngày 06/5/2018 còn nhỏ và hiện đang sống cùng tôi. Nếu ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi cháu N4, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N từ khi Tòa thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để tham gia hòa giải, triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai này, nhưng anh N không đến và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án, nên không có lời khai trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N cư trú tại thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh N xử vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống nay chị L cho rằng chị và anh N không hạnh phúc, nguyên nhân theo chị L nguyên nhân vì vợ chồng không còn tiếng nói chung, không hợp nhau, anh N không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, rượu chè về chửi vợ, chửi con cả ngày lẫn đêm không cho vợ con sống yên, không có trách nhiệm gì với vợ con, nên tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Anh N mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia hòa giải, triệu tập đến phiên tòa lần hai, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không quan tâm gì đến việc hòa giải đoàn tụ, có thái độ bỏ mặt việc giải quyết của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N là trầm trọng, chị L yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa của chị L với anh N.

[3] Về con chung: Chị L và anh N hiện còn 01 con chung chưa đủ 18 tuổi là cháu Nguyễn Thành N4, sinh ngày 06/5/2018. Hiện đang sống cùng chị L. Nguyện vọng của chị L là được nuôi cháu N4. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Các con chung là N1, sinh năm 1999; N2, sinh năm 2004; N3 sinh năm 2006 đều đã trưởng thành và tự lập được, đồng thời nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, chị L đủ điều kiện nuôi con, hiện cháu N4 đang ở với chị L nên tiếp tục giao chị L nuôi dưỡng cháu N4 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật, bị đơn anh N không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thành N4, sinh ngày 06/5/2018 cho đến khi cháu N4 thành niên, có khả năng lao động và tự lực được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Các con chung là N1, sinh năm 1999; N2, sinh năm 2004; N3 sinh năm 2006 đều đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), chị L được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00013221 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (02/01/2025) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã C, TX A;
(để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH Số 10/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn